

Phụ lục 02:

**NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÀ ĐÔ**

Kèm theo tờ trình số 25/TTr – HĐQT – Tờ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP thông qua ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô.

Quy định của quy chế hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh	
- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp. - Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 ; Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán. - Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán	Cập nhật các quy định hiện hành

Quy định của quy chế hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng</p> <p>- Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng</p> <p>- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô ngày 25/04/2020</p>	<p>- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p> <p>- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô.</p>	
Điều 3. Cách thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông	Điều 3. Cách thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông	
<p>Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính</p>	<p>Sửa theo Điều 139 Luật doanh nghiệp</p>
Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	
<p>2a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn 5 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty</p>	<p>2a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty</p>	<p>Sửa theo khoản 1 Điều 141 Luật doanh nghiệp</p>
<p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Sửa theo khoản 1 Điều 143 Luật doanh nghiệp</p>
Điều 8. Cách thức kiểm phiếu	Điều 8. Cách thức kiểm phiếu	

Quy định của quy chế hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>1. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. <u>Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.</u></p> <p>2. Ban Kiểm phiếu tiến hành <u>thu thẻ biểu quyết theo từng vấn đề mà Đại hội thảo luận và biểu quyết. Việc thu phiếu biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng</u> kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ.</p>	<p>1. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó.</p> <p>2. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ.</p>	Sửa theo khoản 5 Điều 146 Luật doanh nghiệp
<p>Điều 10. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 10. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ <u>trên</u> 5% tổng số cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ <u>từ</u> 5% tổng số cổ phần phổ thông có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	Sửa theo Điều 151 Luật doanh nghiệp
<p>Điều 13. Thẻ thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p>	<p>Điều 13. Thẻ thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p>	
<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>và người đại diện theo pháp luật của công ty</u></p>	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	Sửa theo khoản 3 Điều 149 Luật doanh nghiệp
<p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị, <u>người đại diện theo pháp luật của công ty</u>, hoặc một hoặc một số thành</p>	<p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc một hoặc một số thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền/phân</p>	Sửa theo khoản 5 Điều 149 Luật doanh nghiệp

Quy định của quy chế hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền/phân công tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Thành viên HĐQT độc lập hoặc Ủy ban kiểm toán hoặc cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, <u>người đại diện theo pháp luật của công ty</u> và của người giám sát kiểm phiếu.</p>	<p>công tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Thành viên HĐQT độc lập hoặc Ủy ban kiểm toán hoặc cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua <i>và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng</i></p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, <i>người kiểm phiếu</i> và của người giám sát kiểm phiếu.</p>	
<p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <u>ít nhất 51%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết <u>chấp thuận</u> và có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <i>trên 50%</i> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết <i>tán thành</i> và có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	Sửa theo khoản 4 Điều 148 Luật doanh nghiệp
<p>Điều 14. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị</p>	<p>Điều 14. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị</p>	
<p>3. Thành viên độc lập HĐQT có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>e. Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, BKS của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó</p>	<p>3. Thành viên độc lập HĐQT có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>e. Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, BKS của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, <i>trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.</i></p>	Sửa theo khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp
<p>Điều 15. Ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị</p>	<p>Điều 15. Ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị</p>	
<p>1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết <u>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử cụ thể như sau:</p>	Sửa lại nội dung và tỷ lệ đề cử phù hợp với nội dung tại Khoản 4 Điều 12 Điều lệ.

Quy định của quy chế hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>2. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử cụ thể như sau:</p> <p>a. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;</u></p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;</p> <p>c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;</p> <p>e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;</p> <p>f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;</p> <p>g. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	<p>h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;</p> <p>i. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;</p> <p>j. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;</p> <p>k. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;</p> <p>l. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;</p> <p>m. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	
<p>Điều 26. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 26. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p>	
<p>1. Hội đồng quản trị thành lập <u>Ban Kiểm toán nội bộ</u> và các Tiểu ban khác để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. <u>Việc thành lập các Tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập <i>Ủy Ban Kiểm toán</i> nội bộ và các Tiểu ban khác để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Sửa theo Điều 31 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 27. Tiêu chuẩn Ban Kiểm toán nội bộ</p>	<p>Điều 27. Tiêu chuẩn Ủy Ban Kiểm toán</p>	
<p><u>a) Có bằng đại học trở lên các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu kiểm toán, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ.</u></p>	<p><i>1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.</i></p>	<p>Sửa theo Điều 282, 283 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

Quy định của quy chế hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p><u>b) Đã có thời gian từ 05 năm trở lên làm việc theo chuyên ngành đào tạo hoặc từ 03 năm trở lên làm việc tại đơn vị đang công tác hoặc từ 03 năm trở lên làm kiểm toán, kế toán hoặc thanh tra.</u></p> <p><u>c) Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của đơn vị; có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin; có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ.</u></p> <p><u>d) Chưa bị kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên do sai phạm trong quản lý kinh tế, tài chính, kế toán hoặc không đang trong thời gian bị thi hành án kỷ luật.</u></p> <p><u>e) Các tiêu chuẩn bổ sung khác theo quy định pháp luật từng thời kỳ.</u></p>	<p>2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p><i>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</i></p> <p><i>b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</i></p>	
<p>Điều 28. Cơ cấu, thành phần của Ban kiểm toán nội bộ</p>	<p>Điều 28. Cơ cấu, thành phần của Ban kiểm toán nội bộ</p>	
<p>a) Số lượng thành viên <u>Ban kiểm toán nội bộ</u> do Hội đồng quản trị quyết định tại từng thời điểm.</p> <p><u>b) Các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ phải có ít nhất 1 người là thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc không điều hành làm Trưởng tiểu ban.</u></p> <p><u>c) Thành viên thuộc Ban Kiểm toán nội bộ có thể được phân công phụ trách một hoặc một số lĩnh vực cụ thể và phải chịu trách nhiệm về công việc được giao. Trưởng ban phải phân công công việc cho các thành viên của ban dựa trên năng lực, kinh nghiệm chuyên môn của mỗi thành viên và kế hoạch hoạt động của ban.</u></p>	<p>a) <i>Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên.</i> Số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị quyết định tại từng thời điểm.</p> <p>b) <i>Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không Điều hành.</i></p>	<p>Sửa theo Điều 282, 283 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>
<p>Điều 29. Quyền hạn và trách nhiệm của Ủy ban Kiểm toán</p>	<p>Điều 29. Quyền hạn và trách nhiệm của Ủy ban Kiểm toán</p>	

Quy định của quy chế hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p><u>1. Ban Kiểm toán nội bộ có các quyền sau:</u></p> <p><u>a) Tiếp cận và thu thập thông tin thuộc thẩm quyền của HĐQT, TGD và người điều hành doanh nghiệp có liên quan. TGD có trách nhiệm thu xếp để cung cấp các tài liệu và thông tin khi Ban Kiểm toán nội bộ yêu cầu.</u></p> <p><u>b) Tham dự các cuộc họp của HĐQT, TGD và những người điều hành doanh nghiệp về việc xây dựng kế hoạch chiến lược, kế hoạch dài hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty nhưng không có quyền biểu quyết.</u></p> <p>.....</p> <p><u>2. Ban Kiểm toán nội bộ có trách nhiệm:</u></p> <p><u>a) Báo cáo tài chính:</u></p> <p><u>- Xem xét báo cáo tài chính quý, sáu tháng, năm trước khi Ban điều hành trình HĐQT, ĐHĐCĐ hoặc công bố ra bên ngoài theo quy định của pháp luật; có ý kiến về tính trung thực, đầy đủ, đúng hạn và tính phù hợp của các báo cáo tài chính với chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành;</u></p> <p><u>- Xem xét những vấn đề trọng yếu về kế toán và báo cáo tài chính; ảnh hưởng của các quy định pháp luật, nghề nghiệp đối với báo cáo tài chính của Công ty;</u></p> <p>.....</p>	<p><i>1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.</i></p> <p><i>2. Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này thì phải yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm, đồng thời gửi thông báo bằng văn bản đến Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị ra quyết định xử lý.</i></p> <p><i>3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;</i></p> <p><i>4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của công ty.</i></p> <p><i>5. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.</i></p> <p><i>6. Các quyền khác được cho phép bởi Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế của Công ty.</i></p>	<p>Sửa theo Điều 282, 283 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>
<p>Điều 33. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p>	<p>Điều 33. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p>	

Quy định của quy chế hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc điều hành khi <u>có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên</u> biểu quyết tán thành (<i>trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc điều hành</i>) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế. <u>Tổng Giám đốc điều hành bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất</u></p>	<p>Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc điều hành <i> khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền </i> biểu quyết tán thành (<i>trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc điều hành</i>) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế.</p>	<p>Sửa theo Điều 35 Điều lệ công ty</p>
<p>Điều 32. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p>	<p>Điều 32. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p>	
<p>Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. <u>Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.</u> Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại <u>khoản 5 Điều 152</u> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Sửa cho phù hợp tình hình quản trị công ty</p>

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định của quy chế hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng bôi đậm, gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Nội dung đề nghị sửa đổi” là phần in nghiêng, bôi đậm.